

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động trên cơ sở tách Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh Theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0700262353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: HANAM FOOD JOINT STOCK COMPANY,

Tên viết tắt: VINAFOOD I HA NAM

Trụ sở Công ty tại Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Loan	Chủ tịch
Ông Phan Quang Khuê	Ủy viên
Bà Trần Thị Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Loan	Tổng Giám đốc
Ông Phan Quang Khuê	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phan Quang Khuê
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01 ngày 01/01/2018 của Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2018



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

Số. 79/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam, được lập ngày 28/01/2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009 -2018-137-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018

A handwritten signature in blue ink.

Vũ Xuân Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015 -2017-137-1

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-08-2019

Số chứng thực... 768... Quyền số... SCT/BS



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.178.513.191	19.590.494.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	313.357.175	1.221.527.869
1. Tiền	111		313.357.175	1.221.527.869
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.915.119.608	12.672.258.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.499.078.465	13.715.301.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.413.760.100	54.676.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.096.982.198	1.039.936.198
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.094.701.155)	(2.137.655.155)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	9.933.256.010	5.581.481.428
1. Hàng tồn kho	141		9.933.256.010	5.581.481.428
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.780.398	115.227.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	421.984	421.984
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.418.941	101.865.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	12.939.473	12.939.473
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.151.286.362	20.486.883.563
II. Tài sản cố định	220		15.959.231.024	20.333.447.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.959.231.024	17.925.947.568
- Nguyên giá	222		22.524.724.251	23.962.395.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.565.493.227)	(6.036.447.603)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	2.407.500.000
- Nguyên giá	228		-	2.407.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		192.055.338	153.435.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	192.055.338	153.435.995
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		43.329.799.553	40.077.378.409

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		35.016.768.160	29.580.658.092
I. Nợ ngắn hạn	310		27.481.131.367	20.955.127.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.776.730.355	2.797.858.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.000.000	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	598.126.490	65.394.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.400.000	2.400.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.003.202.048	1.003.202.048
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	23.090.000.000	17.075.600.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.672.474	9.672.474
II. Nợ dài hạn	330		7.535.636.793	8.625.530.731
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.14	1.418.000.000	6.891.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15	6.117.636.793	1.715.280.731
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	19.250.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.313.031.393	10.496.720.317
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	8.313.031.393	10.496.720.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.715.000.000	10.715.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.715.000.000	10.715.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.944.575.559	1.944.575.559
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.346.544.166)	(2.162.855.242)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.162.855.242)	(2.218.594.062)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.183.688.924)	55.738.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			43.329.799.553	40.077.378.409
(440 = 300+400)				

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 29-08-2019
Số chứng thực... 768... Quyền số... 440/BS

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Phan Quang Khuê

(Signature)

(Signature)



Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	250.543.065.387	210.390.859.934
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		250.543.065.387	210.390.859.934
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	244.878.677.639	205.850.022.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.664.387.748	4.540.837.425
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	918.296	1.672.840
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.377.301.324	1.175.185.528
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.377.301.324	1.175.185.528
8. Chi phí bán hàng	25		251.112.956	325.075.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.011.181.132	2.982.783.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		25.710.632	59.466.726
11. Thu nhập khác	31	5.21	-	110.300.000
12. Chi phí khác	32	5.21	2.209.399.556	114.027.906
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(2.209.399.556)	(3.727.906)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(2.183.688.924)	55.738.820
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.183.688.924)	55.738.820
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	(2.038)	52

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập

CHỨNG THỰC

Kế toán trưởng

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-08-2019

Số chứng thực: 768. Quyển số: SCT/BS

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê



CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.183.688.924)	55.738.820
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	986.682.448	959.721.197
- Các khoản dự phòng	03	(42.954.000)	(126.997.500)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.208.481.260	(1.672.840)
- Chi phí lãi vay	06	2.377.301.324	1.175.185.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.345.822.108	2.061.975.205
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.187.368.457)	(12.037.962.842)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.351.774.582)	(5.125.953.291)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(492.381.937)	4.425.056.927
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.619.343)	(121.031.093)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.377.301.324)	(1.175.185.528)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(3.740.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.101.623.535)	(11.976.840.647)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(881.828.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.178.134.545	12.119
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	918.296	1.672.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.179.052.841	(880.143.566)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	110.116.507.500	77.554.663.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(104.102.107.500)	(63.599.002.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.014.400.000	13.955.660.416
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(908.170.694)	1.098.676.203
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.221.527.869	122.851.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	313.357.175	1.221.527.869

Số chứng thực... 763 Quyền số... SCT/BS

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê

CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYẾN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam được thành lập và hoạt động trên cơ sở tách Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh Theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 29/8/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0700262353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 1 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: HA NAM FOOD JOINT STOCK COMPANY,

Tên viết tắt: VINAFOOD I HA NAM

Trụ sở Công ty tại Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	385.740	3.857.400.000	36,00%
Bà Trần Thị Loan	595.967	5.959.670.000	55,62%
Cổ đông khác	89.793	897.930.000	8,38%
Cộng	1.071.500	10.715.000.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá nhập khẩu).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho tàng bến bãi
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn hoa và cây
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác
- Bán buôn thóc giống, ngô giống các loại
- Mua bán giống cây trồng
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Mua các các loại nguyên liệu, vật liệu nhựa và sản phẩm từ nhựa
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Mua bán hàng may mặc
- Mua bán vải, bông vải sợi
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, cát, đá, sỏi
- Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Mua bán kính xây dựng, sơn, vecni, vật tư thiết bị ngành nước
- Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- Mua bán đồ ngũ kim
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn đồ uống
- Mua bán đồ uống không có cồn
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi trâu, bò, chăn nuôi dê, cừu
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la
- Chăn nuôi lợn
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn gạo, thực phẩm, thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn thủy sản, rau quả
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, cà phê, chè, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
- Bán buôn thực phẩm khác
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán mô tô xe máy
- Kinh doanh lương thực, nông lâm, hải sản và vật tư nông nghiệp
- Xây dựng chế biến lương thực, nông sản, thực phẩm
- Xuất nhập khẩu lương thực, nông, lâm sản, vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng
- Kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị các loại, vật tư cứu hộ, cứu nạn
- Liên kết Liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh các mặt hàng nông sản như thóc, ngô, khoai, sắn lát, phân bón, dịch vụ cho thuê kho, cửa hàng.....

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), Chi phí công cụ dụng cụ theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hay Quyết định của đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, Viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	270.899.773	1.060.098.036
Tiền gửi ngân hàng	42.457.402	161.429.833
Tổng	313.357.175	1.221.527.869

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Lê Văn Truyền	602.200.000	602.200.000
Công ty CP Công nghệ mới Việt Hưng	496.351.065	496.351.065
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	4.249.575.000	-
Công ty TNHH Vạn Lợi	-	4.665.750.000
Cty TNHH Minh Thu	10.197.207.400	7.951.000.000
Công ty CP Thương mại Minh Khai	953.745.000	-
Tổng	16.499.078.465	13.715.301.065

Phải thu các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh 6.1

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Minh Thu	1.398.340.100	-
Đối tượng khác	15.420.000	54.676.000
Tổng	1.413.760.100	54.676.000

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.096.982.198	996.150.090	1.039.936.198	1.039.104.090
- Phải thu khác	996.982.198	996.150.090	1.039.936.198	1.039.104.090
UBND xã Tráng An	184.125.635	184.125.635	184.125.635	184.125.635
- Bình Lục - Hà Nam				
Nguyễn Duy Hồng	812.024.455	812.024.455	854.978.455	854.978.455
Khoản khác	832.108	-	832.108	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	100.000.000	-	-	-
Tổng	1.096.982.198	996.150.090	1.039.936.198	1.039.104.090

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.094.701.155	-	2.137.655.155	-

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn trên 2 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phải thu khách hàng	-	-	-	1.098.551.065
Lê Văn Tuyển	-	-	-	602.200.000
Công ty CP Công nghệ mới Việt Hưng	-	-	-	496.351.065
Phải thu khác	-	-	-	996.150.090
UBND xã Trảng An, Bình lục, Hà Nam	-	-	-	184.125.635
Nguyễn Duy Hồng	-	-	-	812.024.455
Tổng	-	-	-	<u>2.094.701.155</u>

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	11.918.448	-	11.918.448	-
Hàng hóa	9.921.337.562	-	5.569.562.980	-
Tổng	<u>9.933.256.010</u>	-	<u>5.581.481.428</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC HÀ NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Mẫu B 09-DN				
	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	18.800.634.817	3.799.298.514	1.127.150.023	235.311.817	23.962.395.171
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	1.437.670.920	-	-	1.437.670.920
Thanh lý, nhượng bán	-	1.437.670.920	-	-	1.437.670.920
Số dư tại 31/12/2017	18.800.634.817	2.361.627.594	1.127.150.023	235.311.817	22.524.724.251
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	3.898.657.263	1.135.736.332	880.091.510	121.962.498	6.036.447.603
Tăng trong năm	679.448.617	248.072.677	59.809.328	17.336.364	1.004.666.986
Khấu hao trong năm	664.471.180	245.065.576	59.809.328	17.336.364	986.682.448
Phân loại lại	14.977.437	3.007.101	-	-	17.984.538
Giảm trong năm	-	457.636.819	-	17.984.543	475.621.362
Thanh lý, nhượng bán	-	457.636.819	-	-	457.636.819
Phân loại lại	-	-	-	17.984.543	17.984.543
Số dư tại 31/12/2017	4.578.105.880	926.172.190	939.900.838	121.314.319	6.565.493.227
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	14.901.977.554	2.663.562.182	247.058.513	113.349.319	17.925.947.568
Tại 31/12/2017	14.222.528.937	1.435.455.404	187.249.185	113.997.498	15.959.231.024

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với nguyên giá là: 1.713.858.703 đồng.

Giá trị còn lại Tài sản cố định đem đi thế chấp các khoản vay trong năm 2017 là 13.264.228.311 đồng.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIA		
Số dư tại 01/01/2017	2.407.500.000	2.407.500.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	2.407.500.000	2.407.500.000
Thanh lý nhượng bán	2.407.500.000	2.407.500.000
Giảm khác	-	-
Số dư tại 31/12/2017	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2016	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	2.407.500.000	2.407.500.000
Tại 31/12/2017	-	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	421.984	421.984
Chi phí khác	421.984	421.984
Dài hạn	192.055.338	153.435.995
Chi phí sửa chữa văn phòng	171.080.338	1.361.112
Chi phí sửa chữa xe ô tô	20.975.000	-
Chi phí khác	-	152.074.883
Tổng	192.477.322	153.857.979

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.776.730.355	2.776.730.355	2.797.858.355	2.797.858.355
Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội	27.500.000	27.500.000	27.500.000	27.500.000
Lê Hồng Vọng	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Xuân quý	349.230.355	349.230.355	349.230.355	349.230.355
Các đối tượng khác	-	-	21.128.000	21.128.000
Tổng	2.776.730.355	2.776.730.355	2.797.858.355	2.797.858.355

5.11 Thuế và các khoản nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	65.394.484	3.536.983.982	4.069.715.988	598.126.490
Thuế giá trị gia tăng	-	3.160.805.422	3.693.537.428	532.732.006
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	372.178.560	372.178.560	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65.394.484	-	-	65.394.484
Phải thu	12.939.473	-	-	12.939.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.939.473	-	-	12.939.473

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	1.003.202.048	1.003.202.048
Phải trả, phải nộp khác	1.003.202.048	1.003.202.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011	-	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân hoàn lại</i>	<i>14.475.889</i>	<i>14.475.889</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>988.726.159</i>	<i>988.726.159</i>
Dài hạn	-	19.250.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	19.250.000
Tổng	1.003.202.048	1.022.452.048

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Phát sinh trong năm			01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	23.090.000.000	23.090.000.000	110.116.507.500	104.102.107.500	17.075.600.000	17.075.600.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Nam (1)	23.090.000.000	23.090.000.000	54.006.507.500	41.750.107.500	10.833.600.000	10.833.600.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	-	-	56.110.000.000	62.352.000.000	6.242.000.000	6.242.000.000	
Tổng	23.090.000.000	23.090.000.000	110.116.507.500	104.102.107.500	17.075.600.000	17.075.600.000	

(1) Hợp đồng vay số 2900LAV 201000355 ngày 29/7/2017 số dư khoản vay 8.750.000.000 đồng, Mục đích vay thanh toán mua gạo, thời hạn vay 6 tháng, thời hạn trả nợ 29/3/2018, trả gốc 01 lần, lãi suất 8%/năm.

Hợp đồng vay số 2900LAV 2017 00452 ngày 15/12/2017 số dư khoản vay 10.320.000.000 đồng, Mục đích vay thanh toán mua gạo, thời hạn vay 6 tháng, thời hạn trả nợ 15/6/2018, trả gốc 01 lần, lãi suất 8%/năm.

Hợp đồng vay số 2900LAV 2017 00467 ngày 22/12/2017, số dư khoản vay 4.200.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán mua gạo, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 8%/năm. Trả nợ gốc 01 lần đến ngày 22/01/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
Xí nghiệp Bình lục	1.000.000	1.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>1.418.000.000</i>	<i>6.891.000.000</i>
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.250.000.000	1.300.000.000
Nguyễn Trung Kiên	-	375.000.000
Cty TNHH TM & DV Kiên Cường HB	168.000.000	216.000.000
Phạm Thị Dung - Hiệu sách nhân dân	-	5.000.000.000
Tổng	1.419.000.000	6.892.000.000

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	<i>6.117.636.793</i>	<i>1.715.280.731</i>
Công ty TNHH Phúc Thành	345.970.124	360.174.668
Công ty CP ĐT TM DV Thành Đạt	-	94.500.000
Hiệu sách Nhân dân	1.212.121.215	1.260.606.063
Nguyễn Thị Dung	4.290.909.090	-
Nguyễn Trung Kiên	268.636.364	-
Tổng	6.117.636.793	1.715.280.731

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC HÀ NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16 Vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	10.715.000.000	1.944.575.559	(2.218.594.062)	10.440.981.497
Tăng trong năm	-	-	55.738.820	55.738.820
Lợi nhuận trong năm	-	-	55.738.820	55.738.820
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	10.715.000.000	1.944.575.559	(2.162.855.242)	10.496.720.317
Số dư tại 01/01/2017	10.715.000.000	1.944.575.559	(2.162.855.242)	10.496.720.317
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	2.183.688.924	2.183.688.924
Lỗ trong năm nay	-	-	2.183.688.924	2.183.688.924
Số dư tại 31/12/2017	10.715.000.000	1.944.575.559	(4.346.544.166)	8.313.031.393

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bà Trần Thị Loan	5.959.670.000	5.959.670.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	3.857.400.000	3.857.400.000
Vốn góp của cổ đông khác	897.930.000	897.930.000
Tổng	10.715.000.000	10.715.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	10.715.000.000	10.715.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	10.715.000.000	10.715.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.071.500	1.071.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu phổ thông	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.071.500	1.071.500
Cổ phiếu phổ thông	1.071.500	1.071.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa,	249.294.867.813	209.334.464.815
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.248.197.574	1.056.395.119
Tổng	250.543.065.387	210.390.859.934

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	244.878.677.639	205.850.022.509
Tổng	244.878.677.639	205.850.022.509

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	918.296	1.672.840
Tổng	918.296	1.672.840

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	2.377.301.324	1.175.185.528
Tổng	2.377.301.324	1.175.185.528

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	-	110.300.000
Tổng	-	110.300.000
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản	2.209.399.556	-
Chi phí khác	-	114.027.906
Tổng	2.209.399.556	114.027.906
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(2.209.399.556)	(3.727.906)

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(2.183.688.924)	55.738.820
Điều chỉnh tăng thu nhập (chi phí không được khấu trừ)	-	3.740.025
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	(2.183.688.924)	59.478.845
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.183.688.924)	59.478.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(2.183.688.924)	55.738.820
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.183.688.924)	55.738.820
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.071.500	1.071.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.038)	52

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.921.984	34.117.345
Chi phí nhân công	1.328.858.819	1.350.879.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.682.448	959.721.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.264.133	342.405.968
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí khác bằng tiền	400.231.579	620.734.104
Tổng	3.211.958.963	3.307.858.011

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

		Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	328.763.955	256.619.920
Tổng		328.763.955	256.619.920

Các giao dịch bán

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Tiền hàng hóa	11.706.510.000	8.032.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Các giao dịch mua**

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Tiền hàng	-	4.075.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định	Tiền hàng	28.417.207.500	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên		-	37.850.000.000

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2018

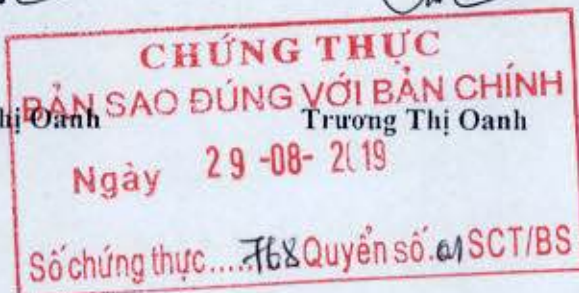
Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Oanh

Trương Thị Oanh

Phan Quang Khuê

**CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC TUYÊN**